

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 14/4/2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiêm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham dự phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều B, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Lê Hữu D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2026 nguyên đơn khai như sau: Chị Nguyễn Thị Kiều B và anh Lê Hữu D, xây dựng hôn nhân vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian vợ chồng chung sống với nhau thì có phát sinh mâu thuẫn, do cuộc sống không còn hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D có

hành vi xúc phạm chị B và gia đình chị B, chị B bị anh D đuổi ra khỏi nhà nên ly thân từ mừng 8 tết âm lịch năm 2026 đến nay.

+ Về con chung: Có 01 người con chung tên: Lê Hữu D1, sinh ngày 21/12/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Lê Hữu D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh D có hành vi xúc phạm chị B và cha ruột chị B vì cha chị B có lời nói xúc phạm cha ruột của anh D nhưng đã xảy ra thời gian trước đó. Anh D có đuổi chị B ra khỏi nhà nên ly thân từ tháng 02/2026 cho đến nay vì chị B đi nhậu với bạn bè hai ngày liền trước đó. Nay anh D không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và yêu cầu được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kiều B giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu D, về con chung tên Lê Hữu D1, sinh ngày 21/12/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và yêu cầu được đoàn tụ

[3.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh D là có cơ sở chấp nhận.

Bởi lẽ, chị B với anh D đã không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2026 đến nay không đoàn tụ được, anh D có đuổi chị B ra khỏi nhà nên ly thân từ mừng 8 tết âm lịch đến nay vì chị B đi nhậu với bạn, từ đó cho thấy chị

B với anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ pháp luật.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều B và anh Lê Hữu D thống nhất con chung tên Lê Hữu D1, sinh ngày 21/12/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều B và anh Lê Hữu D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều B phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều B.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều B được ly hôn với Lê Hữu D.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều B và anh Lê Hữu D thống nhất con chung tên Lê Hữu D1, sinh ngày 21/12/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều B và anh Lê Hữu D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều B phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004595 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Luận